

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 165

HOA NGHIÊM PHÁP GIỚI
HUYỀN CẢNH

SỐ 1883
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1883

HOA NGHIÊM PHÁP GIỚI HUYỀN CẢNH

Biên soạn: Sa-môn Trùng Quán đời Đường.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi thường suy nghĩ đại kinh, ít tu quán này, nên bày chỉ thú kinh kia, đã ở văn sơ, e đọa nghiệp ở kinh sâu, khen ngợi một ít, giảng nói huyền yếu này. Khi người tinh tế chân thành một phen phát dương, vài người khẩn cầu, hỏi tôi nhất-xiển, đều nói là chủ tướng, hỏi han bạn bè, tìm tòi nguồn cội. Hoặc học, hoặc truyền, cần cầu khắp mọi cách giải thích, đã nhiều năm ngờ vực, trì trệ, nay mới được sáng sủa.

Tiếp kiến ban đêm, cẩn thận, siêng năng, siêng năng xin giải thích chỉ thú sâu sắc, ngoảnh lại, vì tuổi tôi đã xế chiều, gió đốc khó hện, vì e sẽ vướng mắc diệu quán, khiến cho vết bánh xe rớt của từ nhánh nhóc, nên mới thuận theo lời thỉnh chân thành, lược phân tích chỗ sâu kín, gọi pháp giới huyền cảnh (gương soi huyền vi của pháp giới).

Rất mong các đạo hữu ở tương lai, sẽ nhận thấy sự xót thương sâu đậm của bậc hiền xưa.

Quán rằng: “Thứ nhất, là chân không quán; thứ hai, là lý sự vô ngại quán; thứ ba, là châu biến hàm dung quán.”

Giải thích: Đây là nêu ba danh từ:

1/ Chân không, là lý pháp giới.

2/ Như bản danh.

3/ Sự sự vô ngại pháp giới.

1. Nói chân không: Chẳng phải cái “không” đoạn diệt; chẳng phải

cái “không” là “sắc”, ngay nơi “hữu” nói về “không”; cũng chẳng có tướng “không”, nên gọi là chân không, đầy đủ như văn.

2. Lý sự vô ngại: Lý không có hình tướng, hoàn toàn ở trong tướng; vì đoạt lẫn nhau, còn mất, nên nói là vô ngại, cũng đầy đủ như văn.

3. Châu biến hàm dung: Sự vốn trở ngại nhau; lớn, nhỏ v.v... khác nhau; lý vốn bao trùm khắp, như không gian chẳng có trở ngại. Vì lý dung thông sự, toàn sự như lý, cho đến hạt bụi, sợi lông đều bao trùm khắp đủ. Hai sự lý này đối nhau thành mười môn, cũng như thuyết ở dưới nói. Tuy nhiên, sự, pháp gọi là giới; giới thì nghĩa “phần”. Vì phân chia giới hạn khác nhau vô tận, nên lý pháp gọi là giới. Giới nghĩa là “tánh”; sự, pháp vô tận, vì đồng một tánh. Pháp giới vô ngại, đủ nghĩa “tánh”, “phần”. Vì không hư hoại sự lý, mà vô ngại, nên pháp giới thứ tư cũng có hai nghĩa. Tánh dung thông ở sự, mỗi sự, pháp không hư hoại tướng của chúng, như tánh dung thông, nhiều lớp vô tận.

Quán rằng: “Pháp chân không quán thứ nhất, ở trong đó, lược tạo ra mười môn của bốn câu.

Giải thích: “Đây là nêu chương, hai môn trước đều bốn, vì thêm thứ ba và bốn, nên thành mười môn”.

Quán rằng: “1/ Hội “sắc” quy “không” quán.

2/ Thuyết minh “không” tức “sắc” quán.

3/ “Không” “sắc” vô ngại quán.

4/ Mãn tuyệt vô ký quán.

Giải thích: “Đây là nêu tên gọi.

Quán: Y cứ vào môn đầu, chia thành bốn: 1/ “Sắc” không tức “không”, vì tức là “không”. Vì sao? Vì “sắc” chẳng tức là đoạn không chẳng phải là “không”, vì sắc nêu thể là chân không, nên nói: “Tức là “không”, vì tức là chân không, nên chẳng phải đoạn “không”. Chonên nói: “Vì là “không”, nên chẳng phải là “không.”

Giải thích: Bốn quán đều có ba đoạn: Nêu lên giải thích, kết luận. Nhưng so sánh ba môn trước của văn dưới, dùng pháp để phân biệt tình. Ba câu nêu danh, thì “đồng”, giải thích nghĩa thì “khác”.

Nay, trước nói chung ba câu đối tượng phân biệt. Đối tượng phân biệt có ba:

1/ Phân biệt “tức”, là.

2/ Phân biệt ý tán loạn.

3/ Phân biệt hiển hình.

Trong câu đầu, y cứ vào tướng chung, để nói câu đều phân biệt, tức là từ nhiều phần để nói. Câu đầu là nói: “Không” chẳng là “sắc”,

để phân biệt lia sắc, câu tiếp theo, nói: “không” chẳng tức “sắc để phân biệt “thái tức.”

Câu thứ ba, nói cả hai chẳng “tức”, chẳng lia, để phân biệt “tức”, “lia”, vì phân biệt ba tình.”

Câu thứ tư, biểu thị rõ chánh lý.

Thứ hai, phân biệt ý tán loạn: Tức là luận Bửu Tánh nói về Bồ-tát Địa tiền có ba thứ: Không loạn, ý vì không biết rõ Như Lai tạng chân thật, hai mé sinh, tử, Niết-bàn bình đẳng, chấp ba thứ “không”:

1/ Cho rằng, vì đoạn diệt nên “không”, câu đầu, là phân biệt.

2/ Chấp lấy “không” ngoài “sắc”. Câu thứ ba, là phân biệt.

3/ Cho rằng, “không” là “hữu”, câu thứ hai, là phân biệt, đã phân biệt ba thứ “không” chẳng đúng.

Câu thứ tư, nói về chân không.

Thứ ba, là phân biệt hình hiển:

Có thuyết nói: “Câu thứ nhất, nói về thể hình sắc, “không” chẳng phải đoạn “không”.

Câu thứ hai, là hiển sắc không có tự thể, vì tự tánh là “không”.

Câu thứ ba, “không” chẳng có hình hiển, vì là nhất thể “không”.

Câu thứ tư, “sắc” “không” chẳng hai, đều là “không, không”.

Giải thích: Nghĩa thứ ba này, chợt quán có lý, vì thấy thứ hai, có nói xanh, vàng, nghĩa là vì sắc “hiển”. Thứ nhất, và thứ ba, chẳng nói xanh, vàng, ấy là vì sắc là “hình”.

Vì cách giải thích này tinh tế, tường tận có trái, thế nào là một, ba? Vì sao không nói sắc hình, dài, ngắn, v.v... ư?

Thứ hai, vì sao nói khắp sắc hiển ư? Vì sao sắc “hình” phân biệt sắc “hiển” chẳng phải đoạn diệt, không được phân biệt đoạn diệt ư?

Sắc “hiển” thứ hai, vì sao nói tướng xanh, vàng, chẳng phải “tức” sắc “hình” của lý chân không. Vì sao chẳng được nói: Dài, ngắn, vuông, tròn chẳng phải chân không ư?, nên thứ ba giải thích chẳng phải vì thích ý, nên chỉ phân biệt hai đủ trước, làm sáng tỏ chân không, mà thứ hai của văn nói khắp xanh, vàng chẳng phải chân không, nghĩa là tướng sáng của sắc hiển, vì làm rạng rỡ nhau. Lại, sắc “hình” là giả; sắc “hiển” là thật; thật sắc tức là “không”. So sánh “hình” sắc giả cũng tức là “không”, biết ba câu đều bao gồm “hình”, “hiển”, cả hai đều tức là “không”. Tiếp theo, chánh giải thích văn. Nay, đầu tiên, là câu thứ nhất có ba:

1/ Tiêu biểu.

2/ Tiếp theo “vì sao cho đến trở xuống”, là giải thích văn, phân

biệt giản biệt lia “sắc”, nói “không” và “không” đoạn diệt.

Nói lia “sắc”: “Không” ở ngoài “sắc”; ngoài sắc lại có hai:

1/ Đối với “sắc”, nói về “không”, như chỗ vách là bất “không”, ngoài vách là “không”.

Câu thứ ba này phân biệt hai diệt: “Sắc” nói về “không”, tức là như xuyên qua giếng, trừ đất ra khỏi “không”, chủ yếu phải diệt sắc. Nay, vì phân biệt đúng ở đây, nên Trung Luận nói: “Trước “có”, mà sau “không”, đây là đoạn diệt”. Nhưng, ngoại đạo, Nhị thừa đều có đoạn diệt, trở về với Thái hư. Vì đoạn diệt của Nhị thừa trở về với Niết-bàn, nên ngài Tăng Triệu nói: “Vì huyền lớn chớ bằng đối với có thân, nên diệt thân, để trở về chẳng có một nhọc; siêng năng chớ trước, đối với người có trí, nên dứt trí, vì vướng vít đắm chìm”. Lại nói: “Trí là chất độc lẫn lộn, vì hình là chiếc gông cùm, nên nguội thân, bật trí, dứt sạch không còn thừa. Nếu nói là nhập diệt đồng với hư không thì hoàn toàn sẽ đồng với ngoại đạo, nên kinh Lăng-già nói: “Nếu thể tâm diệt, thì sẽ không khác với đoạn kiến nói suông của ngoại đạo”. Nay, văn nói: “Không tức đoạn “không”. Tiếp theo, dùng sắc nêu thể trở xuống là giải thích ở trên, vì tức là “không”, nên ba lý do ở dưới kết thành, ở trong đó, trước y cứ vào nghĩa để kết, vì tức là chân không, nên chẳng phải đoạn diệt. Sau, cho nên v.v... trở xuống, là kết thành, nêu danh.”

Quán rằng: 2/ “Sắc” chẳng tức “không, vì tức là “không”. Vì sao? Vì tướng xanh, vàng chẳng phải là lý chân không, nên nói rằng: “Chẳng tức “không”. Nhưng vì màu xanh, vàng chẳng có “tự thể”, vì đều “không”, nên nói rằng tức “không”, vì cái “không” của không có “tự thể” của xanh, vàng, chẳng phải tức màu xanh, vàng, nên nói rằng: “chẳng phải tức “không.”

Giải thích: “Cũng nêu giải thích, kết luận.

Trong giải thích, phân biệt hai vọng tình:

1) Phân biệt thái “tức”: Vì nghe nói “sắc”, “không”, mà chẳng biết tánh “không”, bèn chấp sắc tướng cho là chân. Chẳng biết tánh “không”, bèn chấp sắc tướng cho là chân không, thành ra phải phân biệt, nên nói: “Tướng xanh, vàng chẳng phải lý chân không”, ở đây chỉ phân biệt phạm. “Tiểu” chẳng chấp sắc, vì tức là “không”. Kế là xanh, vàng trở xuống, là nói: “Cũng không phải lia tướng có tánh, mà chủ yếu tức màu xanh, vàng chẳng có tự “thể” là chân không.”

Vì nghĩa này, nên dường như phân biệt cả hai, cũng phân biệt tiểu thừa. Nhưng ở đây là nêu pháp, phân biệt cả tình. Về sau, nói chẳng lia, là nêu pháp.

2) Cũng dùng văn trên để phân biệt ý tán loạn. Trong ba thứ “không”, lấy “không” làm “có”. Thuyết kia cho rằng, vì có riêng một vật, là vì ở “thể” “không”, nên nay mới phân biệt, nên kinh Thập Địa nói: “Có một câu kinh này không hai, không tận, phân biệt “không” của ba ý tán loạn, vì có phân biệt “không” đoạn diệt, vì “chẳng hai”, phân biệt khác với sắc, nói về “không”, vì bất tận, nên phân biệt “không” là “hữu”, chẳng nói là thể “hữu” tận diệt. Nay, sẽ bất tận, nói là “không”. Nếu là vật thì có tận diệt; nếu có tận diệt, thì sẽ có sinh khởi. Tướng “không” của pháp hiện nay, bất sinh, bất diệt, há có “hữu” ư?, nên Bát-nhã nói: “Tướng “không” của các pháp này bất sinh, bất diệt v.v...” Lại, tướng của màu xanh, vàng còn chẳng phải chân không, chủ yếu là phải không có tánh, đâu được vì “không” mà là “hữu” ư?”

3) Vì dưới đây sẽ kết thành, nêu lên cái “không” của chẳng có “tự thể” kia, kết chẳng phải tướng “sắc”, nói “không” chẳng phải “hữu”, đâu được là “sắc” ư?

Quán rằng: 3/ “Sắc” không tức “không”, vì tức “không”. Vì sao? Vì trong “không” chẳng có “sắc”, nên chẳng tức “không”. Vì hội hợp sắc chẳng có “tự thể”, nên là tức “không”, bởi vì hội “sắc” trở về “không”. Trong “không” tất nhiên chẳng có sắc. Cho nên, vì “sắc” “không”, nên “sắc” chẳng phải “không”.

Ba câu trên, dùng pháp để phân biệt tình xong.

Giải thích: “Văn trong đây có hai: Trước là giải thích câu đứng; sau kết luận ba câu trước. Trong văn trước cũng có ba: Đầu tiên là nêu, tiếp theo là giải thích; trong giải thích, trước phân biệt cả “tức”, “ly”; Vì trong “không” chẳng có “sắc”, nên “sắc” không tức “không”; vì lìa “sắc” chẳng có tự thể, nên “không” chẳng lìa sắc. Không “tức”, không lìa mới là chân không.

2.- Phân biệt ý tán loạn, khác với “sắc”; nói về “không”, Nhị thừa kia chấp ngoài “sắc” có “không”, với “sắc” là “khác”, như trước đối với “sắc”, nói về “không”; nay, nói trong “không” còn chẳng có “sắc”, thì đâu được có “không” đối lại với “sắc”? Lại, vì hội “sắc” không có tự thể, nên nói “tức” “không”, đâu ở ngoài sắc, có “không” đối với sắc? Người xưa nói: “Sắc” đi chẳng để lại “không”; “không” chẳng phải trụ hữu biên.

3.- “Bởi vì v.v... trở xuống”, là kết thành nghĩa trên; “trở xuống” tức là “không”, kết “không” tức là “không” ở trên, đặc biệt do hội tụ sắc là “không”, thì đâu được trong “không” có sắc.

Hai câu trên, ba câu dưới là tổng kết ba môn.

Quán rằng: “Bốn sắc tức là “không”. Vì sao? Vì hễ là pháp sắc, tất nhiên chẳng khác với chân không, vì các “sắc” pháp, là vô tánh, cho nên “sắc” tức cho nên. Như “sắc”, “không” đã như thế, thì tất cả pháp cũng như thế, suy nghĩ có thể biết.”

Giải thích: “Trong đây có hai: Trước, chánh biểu thị rõ nghĩa chân không; sau, kết thúc so sánh với các pháp.”

Trong phần trước, cũng có ba: Đầu tiên, là nêu; kế là giải thích, vì “sắc” từ duyên, tất nhiên vì không có tánh, nghĩa là y tha không có tánh, tức chân không viên thành.

3/ “Cho nên v.v... trở xuống là kết: Đã chẳng phải sắc diệt khác với sắc; vì không “tức”, không lìa, nên tức là chân không. “Không” chẳng phải tướng “sắc”, vì chẳng có không thể nghĩ bàn. Duyên sinh chẳng có tánh, tức y tha vô tánh. Chân lý không có tánh, tức là viên thành, nên chân không này gồm suốt tánh, tướng.

2/ “Như “sắc”, “không” đã thế v.v... trở xuống là kết, so sánh các pháp. Bốn môn trên, chỉ nói về “sắc”, “không”; “sắc” đứng hàng đầu các pháp tướng, là đầu tiên trong năm uẩn. Các kinh, luận thường nói một nghĩa, đều trước, vì y cứ vào sắc, nên Đại Bát-nhã v.v... y cứ vào “sắc” để so sánh. Nay, ở đây cũng như thế, so sánh với tất cả pháp. Nếu lược thu thập pháp chẳng ngoài sự thể đối tượng y chỉ của mười cặp trên, đều tức “không”, đều cần dùng pháp để phân biệt tình, chứng tỏ tức sự quy lý.”

Quán rằng: “Thứ hai, là nói về quán “không” tức “sắc”: Trong đó, cũng có bốn môn.

Giải thích: “Đây là nêu chung. Nhưng tướng chung của bốn môn này chỉ ngược lại với bốn môn trên, cũng có ba câu trước, dùng pháp phân biệt tình. Luận chứng thứ tư chính là biểu thị rõ lý pháp. Y cứ vào phân biệt tình, trái lại với nghĩa “sắc”, “không” ở trước thì rất giống, lấy văn ít khác, cũng tiêu biểu ngữ thì sử dĩ, giải thích nghĩa có khác.

Nay, trước phân biệt tổng quát, cũng có ba nghĩa:

1/ Phân biệt tức lìa.

2/ Phân biệt ý tán loạn.

3/ Phân biệt hiển hình.

Nay, đầu tiên là câu thứ nhất, nói chân không chẳng lìa “sắc” ở trước.

Luận chứng thứ hai, nói chân không, chẳng phải tức sắc tướng.

Luận chứng thứ ba, nói về chân không, cả hai “tức” sắc, “lìa” sắc đều sai.

Thứ hai, là phân biệt ba ý tán loạn: Câu thứ nhất, nói về đoạn “không”, chẳng phải là thật sắc.

Câu thứ hai, nói tướng “hữu” chẳng phải chân không, tức phân biệt tướng “hữu”.

Câu thứ ba, nói đối tượng y chỉ chẳng phải chủ thể y chỉ, tức phân biệt chủ thể y chỉ.

Phân biệt hiển hình của nghĩa thứ ba. Có thuyết nói: “Câu thứ nhất, nói chẳng phải đoạn “không”, chẳng trở ngại sắc hình. Câu thứ hai, nói tự tánh không, chẳng trở ngại sắc hiển.

Câu thứ ba, nói nhất một thể “không” đều không trở ngại hiển hình.

Câu thứ tư, nói đều “không” “không”, chẳng trở ngại hai “không”, “sắc”.

Giải thích: Trước, là quán hội “sắc” là “không”. Nghĩa phân biệt thứ ba, đã trái với chánh lý. Nay, dù nêu, nhưng vì đối với văn trước, cũng không chấp lấy.

Kế là chánh giải thích văn, bốn câu đều có ba; hai luận chứng sau lại thêm có hai.

Quán rằng: “1) “Không” chẳng tức “sắc”, vì “không” tức là “sắc”. Vì sao? Vì đoạn “không”, chẳng tức là “sắc”, nên nói chẳng phải sắc; Chân không, tất nhiên chẳng khác với sắc, nên nói rằng tức “sắc”, chủ yếu do chân không tức “sắc”, nên khiến cho đoạn “không”, chẳng tức “sắc”.

Giải thích: “Môn này cũng có ba: Đầu tiên, là nêu; hai là giải thích, giải thích hai luận chứng trên, luận chứng đầu tiên nói về “không” đoạn, chẳng phải sắc chân. Đối với sắc ở trước tức sắc thật trong “không”, chẳng phải đoạn “không”. Câu dưới, nói về chân không, chẳng khác với sắc. Đối với không lìa sắc ở trước, nói về “không”, dù bao gồm “tức”, “lìa”. Câu dưới, tức là nêu chính luận chứng trên là đối tượng phân biệt tình, tình tức là lìa sắc.

2) Phân biệt ý tán loạn: Phân biệt đoạn “không”, chẳng phải sắc thật. Đối với quán hội “sắc” về “không” ở trước; sắc thật chẳng phải đoạn “không”.

3) Chủ yếu do chân không v.v... trở xuống, là câu kết thành trở xuống, nêu chánh kết luận chứng ở trên, là đối tượng phân biệt tình.”

Quán rằng: “Hai “không” chẳng “tức” “sắc”, vì “không” “tức” “sắc”. Vì sao? Vì lý “không” chẳng phải xanh, vàng. Rằng, “không” chẳng tức sắc, nhưng chẳng phải chân không của xanh, vàng, tất nhiên

vì chẳng khác với xanh, vàng. Cho nên, nói “không” tức “sắc”, chủ yếu do chẳng khác với xanh, vàng; vì không tức xanh, vàng, nên nói “không” tức “sắc”, chẳng tức sắc.”

Giải thích: “Cũng có ba:

1. Đầu tiên là nêu; trong giải thích, trước phân biệt “tức”, “lia”, nói về chân không, chẳng phải tức sắc tướng, rằng “không” chẳng “tức” “sắc”, chánh phân biệt thái tức; đối với trong hội sắc quy không ở trước, thì sắc tướng chẳng phải chân không. Sau đó chẳng phải lý của màu xanh, vàng, tất nhiên chẳng khác với xanh, vàng: Nói “không” chẳng tức “sắc”, cũng chẳng phải hoàn toàn ở ngoài sắc đối với trước, cũng chẳng phải lia tướng mà có tánh.

2. Phân biệt ý tán loạn: Phân biệt rằng “không” là “hữu”. Đã là lý “không” chẳng phải xanh, vàng, há là có ư? Đối với chân không ở trước, chẳng phải là tướng “hữu”.

3. Phải do trở xuống, là kết. Nêu chánh không khác, kết hợp với tình thái tức trong kia.”

Quán: “Ba “không” chẳng “tức” sắc, vì “không” tức là sắc. Vì sao? Vì “không” là đối tượng y chỉ, chẳng phải chủ thể y chỉ, nên không “tức” là sắc, tất nhiên, vì với chủ thể nương tựa tạo ra đối tượng nương tựa, tức là sắc. Lý do là đối tượng nương tựa, nên chẳng tức sắc, vì là đối tượng nương tựa, nên tức là sắc. Do thế nên nói vì chẳng “tức “sắc” nên “tức” là sắc.

Ba câu trên, cũng dùng pháp để phân biệt tình đã xong.”

Giải thích: “Y cứ văn cũng có hai: Trước giải thích về câu này, sau kết ba câu trên.”

Trong câu trước cũng có ba:

1- Đầu tiên là nêu; phân biệt song song trong giải thích; “tức”, “ly”, có thể biết, chủ trước kia, y cứ phân biệt không có “sắc” trong “không”. Đây là y cứ phân biệt chủ thể y chỉ, chẳng phải đối tượng y chỉ này. Kế là ở dưới, nên biết. Nhưng chính là trái với ở trước, nên nói rằng: “Vì trong sắc chẳng có không nên nay không nói như thế: Nghĩa là không có “sắc” trong “không”, có lý, có văn. Văn chẳng có “không” trong “sắc”, lý đều dứt bật, vì chẳng có sắc trong “không”. Do sự tức lý, vì lý dứt tướng, nên sắc phải “có” “không”; “sắc” chẳng có “không”, chẳng phải thật, nên chẳng trái với trên. Y cứ chủ thể, đối tượng nương tựa, để giải thích về nghĩa của chúng.

2- Phân biệt ý tán loạn: Chỉ lấy câu dưới, tất nhiên vì làm đối tượng y chỉ cho chủ thể y chỉ, nên phân biệt khác với “sắc” của “không”, đối

với “sắc” khác với ở trước, nói về “không”.

3- “Bởi vì v.v... trở xuống”, là kết. Vì:

1/ Đối tượng nương tựa kết luận cả hai chẳng “tức”, chẳng lia. Ý nói: “Đã là “không”, của đối tượng y chỉ, tất nhiên, chẳng phải “sắc” của chủ thể y chỉ, nên nói rằng: “Chẳng tức sắc.”

2/ Đã là chỗ nương tựa của “sắc”, vì chẳng phải chỗ nương tựa của các pháp khác, nên chẳng lia “sắc”.

Kết lia ý tán loạn:

1/ Đã tất nhiên với sắc lia chủ thể y chỉ mà làm đối tượng y chỉ, là nói “sắc” chẳng phải ngoài “không”, đối với “không” ở trước, chẳng phải ngoài sắc.

2/ Ba câu trên, v.v... trở xuống là tổng kết nghĩa của ba môn như trước đã nói.

Quán rằng: “Bốn, “không” tức là “sắc”. Vì sao? Vì hễ là chân không, thì chẳng khác với “sắc”; vì là lý pháp vô ngã thì chẳng phải đoạn diệt, cho nên “không” tức là “sắc”. Như “không”, “sắc” đã như thế, thì tất cả pháp đều như thế, suy nghĩ có thể biết.”

Giải thích: Môn này có hai: Trước, giải thích thứ tư; sau kết so sánh các pháp. Nay, đầu tiên cũng có ba:

1/ Là nêu.

2/ Giải thích: vì là lý pháp vô ngã, v.v...: nêu ra lý do. “Vô ngã “tức” “không”, vì là pháp “không”, tức vì pháp “vô ngã”, nên “không” là “sắc”.

3/ “Cho nên, “không” tức là “sắc”: là kết môn này.

2- “Như “không”, “sắc” v.v... trở xuống là kết. So sánh nêu bốn môn ở trên, “không” tức là “sắc”, thì so sánh “không” này là tất cả pháp, huống chi không là đối tượng y chỉ của mười cặp ư?”

Quán rằng: “Thứ ba, là quán “sắc”, “không” vô ngại. Nghĩa là sắc nêu “thể” chẳng khác với “không”, vì hoàn toàn là “không” của tận “sắc”, nên tức “sắc” bất tận mà “không” hiển hiện. “Không” nêu “thể” chẳng khác “sắc”, vì hoàn toàn là “sắc” của tận “không”, nên tức “không”, tức “sắc” mà “không” chẳng ẩn.

Cho nên, Bồ-tát quán “sắc”, đều thấy “không”; quán “không” đều thấy “sắc”, chẳng có chướng, chẳng có ngại, là pháp một vị, suy nghĩ có thể thấy.”

Giải thích: 1) Quán này có ba: 1- Nêu lên, giải thích, kết luận. 2- Nghĩa là sắc v.v... trở xuống, là giải thích. Giải thích về tướng rằng: “Vì toàn là “không”, mà giải thích nghĩa cũng suốt qua. “Vì chẳng đối,

v.v... trở xuống, vì lý văn chẳng phải biểu hiện hoàn toàn.”

Nay y cứ theo có bốn giải thích: “Nhưng “sắc” là gọi riêng trong “hữu”; chung là hai môn “không, “hữu”. “Không”, “hữu”, mỗi môn đều có hai môn. Không và Hữu đều có hai nghĩa.

Hai nghĩa của “không”: Tức là “không”, chẳng phải “không”. Hai nghĩa của “hữu”: là “hữu” và phi “hữu”.

Trong “không” nói “không”: Vì “không”, tất nhiên tận “hữu”.

Nói phi “không”: Vì cũng chẳng có tướng “không”, lại, vì chẳng trở ngại “hữu”.

Trong “hữu” nói “hữu”: Vì “hữu” tất nhiên tận “không”.

Phi “hữu”: Vì tướng “hữu” đã lìa, lại vì chẳng trở ngại “không”.

Nay, trong phần nói về “sắc, “không” chẳng có ngại. Đầu tiên, là nói “sắc” chẳng trở ngại “không”, lấy nghĩa tận “sắc” trong “không”.

Kế là nói “không” chẳng trở ngại “sắc”, lấy nghĩa tận “không” trong “sắc”.

Chẳng trở ngại nhau ấy, tức là nghĩa nêu “thể” toàn là.

Nghĩa là lìa tướng “không”, “hữu” kia, ở trong môn dứt diệt thứ tư.

Nhưng, trong văn này, trên “sắc”, “không” đều có ba câu, câu đầu tiên, đều nêu chẳng có trở ngại; câu dưới, nêu ra tướng không trở ngại. Trong “sắc”, nêu ra tướng, nói “sắc” bất tận mà “không” hiển hiện: Vì “sắc” chẳng trở ngại “không”, nên “sắc” bất tận, tức là vì “không” của tận “sắc” nên “không” hiển hiện. Trong “không” nêu ra tướng, rằng, tức “không”, tức “sắc” mà “không” chẳng ẩn: Vì “không” chẳng ngăn ngại “sắc”, nên “không” tức “sắc”, mà vì “không” của tận “sắc”, nên “không” chẳng ẩn.

Nếu tướng chung nói chỉ “sắc” nêu “thể”, tức “không”, tức “sắc” bất tận, vì tức “không”, nên “không” ấy là biểu hiện. Trong “không” cũng vậy, vì “không” nêu “thể” là “sắc”, nên “không” tức “sắc”; đã tức là “không”, thì “không” chẳng ẩn.

Nếu theo cách giải thích này, thì sẽ không có nghĩa của ba chữ trước, lý cũng suốt qua, lẽ ra câu sau sẽ giảm đi ba chữ của tận “không”.

Nay, y cứ vào gốc “hữu”, vì ba “cho nên v.v... trở xuống, kết thành vô ngại, cũng là đối tượng quán đã nói ở trước. Đây là chánh thức nói về chủ thể quán, rằng, Bồ-tát thấy sắc, v.v...”

Quán rằng: “Thứ tư, quán dứt hết, chẳng có gởi gắm: Nghĩa là chân không, đối tượng quán này, chẳng thể nói tức “sắc”, chẳng tức

“sắc”; cũng chẳng thể nói tức “không”, chẳng tức “không”, vì tất cả pháp đều chẳng thể; “chẳng thể”, cũng chẳng thể; lời nói này cũng không tiếp nhận, dứt hẳn không có gửi gắm, chẳng phải lời nói theo kịp, chẳng phải chỗ đến của “giải”, đây tức là hạnh cảnh. Vì sao? Vì sinh tâm, động niệm, thì trái với pháp thể, vì mất chánh niệm.”

Giải thích: “Quán thứ tư này, phần nhiều được chia thành hai: Trước, là chánh giải thích quán thứ tư; sau là đối với ba quán trước, hội giải thích thành chung, nay là phần đầu tiên. Trong văn có ba:

1/ Nêu danh.

2/ Nghĩa là từ đây trở xuống, là giải thích tướng.

3. Vì sao? v.v... trở xuống là gạn hỏi và kết luận.

Đại ý trong đây, phải sạch dấu vết, biểu hiện viên mãn. Nếu giải thích kỹ thì “sắc”, “không” đối chiếu nhau mới có nhiều nghĩa:

1/ Dung thông.

2/ Nghĩa đế.

1- Đầu tiên, là hội “sắc” về “không”, nói tục “tức”, là chân.

2- Nói “không” tức là “sắc”, biểu thị rõ chân tức là tục.

3- “Sắc”, “không” chẳng có trở ngại: nói hai đế đều thể hiện.

4- Dứt bật không có gửi gắm, nói hai đế đều dứt hết.

Nếu y cứ vào ba quán, thì đầu tiên, tức là “không” quán; hai là giả quán; ba, bốn là Trung đạo quán.

3/ Tức song chiếu trong thuyết minh.

4/ Tức song “già” (ngăn chặn) trong thuyết minh. Mặc dù có ba quán, nhưng ý nói ba quán dung thông thành chân không.

2. “Sắc” và “không” đối chiếu nhau, gồm có bốn câu, lấy văn nhỏ, khác, hội đầu tiên, bốn câu trong hội “sắc” về “không”, ba câu trước, nói “sắc” chẳng khác “không”; câu thứ tư, nói “sắc” tức là “không”.

Thứ hai là nói “không” tức “sắc”. Bốn câu trong quán, ba câu trước, nói “không” tức là “sắc”. Quán thứ ba, nói chỉ hợp với hai luận chứng trước. Nay, luận chứng thứ tư, trái với tướng của bốn câu, thể hiện tướng chân không, bất sinh, bất diệt, cho đến “không có trí”, cũng không có đắc, là quán chân không.

Nếu y cứ vào ba quán, y cứ vào như ý của Tâm kinh, thì “sắc” chẳng khác “không”, nói tục chẳng khác chân; “không” chẳng khác sắc, nói chân chẳng khác với tục “sắc” “không” tương tức, nói về Trung đạo, tức bốn câu trên là ba quán: “không”, “giả”, trung, đồng với nghĩa hiện nay, chấp lấy văn nhỏ, khác.

3. “Sắc”, “không” đối nhau, gồm có ba nghĩa:

- a) Nghĩa tương thành.
- b) Nghĩa vô ngại
- c) Nghĩa hại nhau.

Rộng như trong quán sự lý vô ngại thứ hai đã nói, văn ở đây gồm có ba:

Hai tương tức ở trước, cũng là nghĩa tương thành.

Thứ ba, là quán “sắc”, “không” vô ngại, chánh thức nói về nghĩa vô ngại.

Nay là quán thứ tư, tức nghĩa hại nhau, vì hại nhau đều cùng tiêu diệt hết nên dù có ba ý này, nhưng đều làm sáng tỏ cho nghĩa chân không mà thôi.

Nếu triệt tiêu riêng vào, thì chẳng thể nói tức “sắc”, không tức là “sắc”, nghĩa là trái lại câu thứ hai ở trước, nói “không” tức “sắc”, chẳng thể nói tức “sắc”, nghĩa là trái lại câu thứ tư. Chẳng thể nói “không tức sắc”: Cũng trái lại ba câu trước, vì “không” chẳng phải “không”, nên chẳng thể nói tức sắc, không tức là sắc. Lại về lý, vì vốn dứt hẳn lời nói, nên y cứ vào quán, tức vì ta thâm hợp với chân cùng cực, nên mới thành quán diệu sắc.

Kế là, nói rằng: “Cũng chẳng thể nói tức “không”, chẳng tức “không”: Nghĩa là trái lại hội thứ nhất, hội “sắc” về “không”, chẳng thể nói “tức” “không”. Chính là trái lại câu thứ tư, chẳng thể nói chẳng tức “không”, cũng trái lại ba câu trước, vì sắc cũng tức phi sắc, chẳng thể nói tức “không”, chẳng tức “không”, nên “tức” sự đồng với lý, vì lý vốn dứt bật lời nói, nên tâm thâm hợp với chân, vì cùng cực không có tâm tức, nên thành tức quán không. Lại hội “sắc” về “không” của hội trên, không thêm chê bai, nói ý tức “sắc”, chẳng thể chê bai tổn giảm; “sắc” “không” chẳng có ngăn ngại, chẳng có song song, chẳng thể nói sống.

Nay, chẳng thể tương tức, chẳng có sự chê bai mâu thuẫn nhau.

“Sự chê bai đã không có, vì một trăm phi dứt bật ở đây, nên dứt hẳn không có gởi gắm”. Lại, nói rằng: “Tất cả pháp đều không tự thể, nghĩa là kết thúc so sánh trái lại chung”.

Nói kết thúc so sánh: chẳng phải pháp sắc riêng, thành ba quán kia, đều trái lại sắc. Pháp muôn hóa của thọ, tưởng, hành, thức đều đồng với sắc trước.

Nói trái lại chung: Trái lại chung với quán, v.v... hội “sắc” về “không” của ba hội trước, đều không tự thể, cũng không có bốn câu để dứt hẳn, vì ba quán có thể trái lại, nên chẳng thể, cũng chẳng thể.

Nói ngữ này cũng không thọ: Nếu thọ không thể nói năng, thì đây là có thọ. Có thọ thì có niệm. Người có niệm, đều là vì dấu vết của tâm, lời nói, nên dứt hẳn không có gởi gắm, hai biên đã lìa, Trung đạo không còn, tâm, cảnh đều mất, dứt bật không có gởi gắm sự thể hiện của Bát-nhã. Nếu sinh tâm động niệm thì đều sẽ không hội nhập lý. Vì đường ngôn ngữ dứt, nên nói không kịp; vì chỗ tâm hành diệt, nên “giải” không đến.

Nói là cảnh, hạnh, nghĩa là kết thành hạnh trên, nhưng có hai ý:

1/ Trên là cảnh của nhà hạnh. Nay, tâm và cảnh ngấm hợp, trí hội nhập với thân, quên lời vắng lặng, tâm thâm hợp, trí rộng lớn, mới đến cảnh này, duy chỉ có hạnh mới đến, chẳng phải “giải”, cảnh.

2/ Tức là tâm trên thì khế hợp với trí, tức là chân hạnh, hạnh tức là vì phân chia giới hạn xếp đặt hạnh, cảnh.

3/ “Vì sao? v.v... trở xuống là giải thích trái lại, thành hạnh.”

Quán rằng: “Tám môn của hai câu đầu tiên trong bốn câu trước, đều phân biệt với tình, biểu thị rõ “giải”. Một môn của luận chứng thứ ba, nói “giải”, sau cùng hưởng về hạnh. Một môn của luận chứng thứ tư này, đáng thành thể của hạnh. Nếu không sáng suốt “giải” trước kia, thì sẽ không nhờ đâu theo đuổi thành hạnh này. Nếu không hiểu rõ hạnh này, thì pháp sẽ dứt “giải” ở trước, và không nhờ đâu để thành chánh giải kia. Nếu cố giữ lấy “giải” không bỏ, thì sẽ không lấy gì để hội nhập chánh hạnh này.

Cho nên, hạnh do “giải” mà thành, “hạnh” khởi, thì giải dứt.”

Giải thích: “Đây, là thứ hai, tổng kết bốn môn. Nhưng môn thứ tư ở trên, chỉ kết đương môn thành hạnh. Nay, tổng kết bốn môn, nhưng nói rằng tám môn của hai luận chứng minh ở trên: thì môn lớn của luận chứng nhỏ; trong tiêu biểu chung ở trước cũng nói rằng, mười môn của bốn câu, đều nhỏ hơn môn lớn của câu.

Trong kết luận trên, nói rằng, ba câu trên, dùng pháp để phân biệt tình.

Một môn của câu thứ tư, là tức môn, các câu suốt qua lẫn nhau, lẽ ra nghĩa nhỏ của luận chứng lớn của môn hợp đã suốt qua lẫn nhau. Đây là thuận văn giải thích, trong đó có ba câu:

1/ Chính đáng chia ra giải, hạnh.

2/ “Nếu không sáng suốt v.v... trở xuống, là biểu thị rõ trái lại, giúp đỡ nhau, như mắt, chân giúp đỡ nhau, trong đó, đầu tiên là dùng giải để thành hạnh.

Tiếp theo, nếu không là “giải” v.v... trở xuống, là bật giải thành

giải. Sau, “nếu giữ lấy v.v... trở xuống, là bỏ giải, thành hạnh”.

3/ “Cho nên v.v... trở xuống, là kết thành hai tướng, chung thành quán chân không bất tướng, thì trong, ngoài đều thâm hợp, duyên quán đều vắng lặng.”

Quán rằng: “Thứ hai là quán lý sự vô ngại.”

Giải thích: “Tức lý sự vô ngại pháp giới.”

Quán rằng: “Chỉ lý, sự dung thông, còn, mất, nghịch, thuận, có chung mười môn:

Giải thích: “Văn quán này có ba:

1/ Nêu chung.

2/ Giải thích riêng.

3/ Kết khuyên.

Nay thì đầu tiên, tức là nêu rõ chung tên quán, có đủ mười môn, vốn y cứ vào trong quán “sắc”, “không” trước kia, cũng tức sự, lý, chẳng được tên này, vì có bốn nghĩa:

1. Dù có sự sắc làm thành lý “không”, nhưng vì “sắc”, “không” vô ngại là chân không.

2. Về lý, chỉ nói về “không”, vì chưa rõ diệu hữu chân như.

3. Dứt mất hẳn, không có gởi gắm, vì mất cả sự lý.

4. Không nêu rõ riêng tướng vô ngại, vô vi, mà là vô tướng, mà tướng.

Các sự với lý biểu hiện tỏ rõ, vì tướng song dung vô ngại, vì là bốn nghĩa trên, nên chẳng được gọi đến thọ riêng này, vì nay, tiêu biểu đủ để đủ căn vô ngại của mười môn, là bao gồm chung mười môn ở dưới, giống như lò lửa đỏ rực vì đúc các tướng, nên nấu kim loại chảy, nghĩa là đúc hình dáng, tức nghĩa tan chảy đầu tiên. Dung, nghĩa là dung hòa, tức sau cùng thành một nghĩa, dùng lý nấu chảy sự, sự và lý hòa, hai mà chẳng hai, vì mười môn vô ngại, nghĩa ấy đồng. Lại, hai sự lý này chảy tan, dung hòa, thích hợp riêng khắp nhau, vì dung thông cùng khắp lẫn nhau.

Tiếp theo, tồn tại tức chín mươi, lý chân chẳng phải sự, pháp sự chẳng phải lý, cả hai tồn tại lẫn nhau; mất tức bảy, tám. Chân lý tức sự, pháp sự tức lý, bỏ mình, đồng với người khác, vì đều tự tiêu diệt hết nên trái lại tức năm, sáu; chân lý đoạt sự, lý trái với sự; sự năng ẩn lý, vì sự trái với lý, nên thuận tức ba, bốn. Ý chỉ lý thành sự, là lý thuận với sự; sự làm sáng tỏ lý là sự thuận với lý, nên hai câu này thu nhiếp chung mười môn, mới là nghĩa sự lý vô ngại, thành quán thứ hai. Nhưng sự, lý vô ngại, mới là đối tượng quán, quán sự, lý; ở tâm thì gọi là chủ

thể quán. Quán này nói riêng về quán sự, quán tục, quán lý, quán chân. Quán sự lý vô ngại, thành quán Trung đạo. Lại, quán sự gồm bi, quán lý là trí. Hai vô ngại này tức bi, trí dẫn dắt nhau, thành hạnh vô trụ, cũng tức quán Trung đạo giả, không”.

Quán rằng: “Lý khắp sự môn, nghĩa là lý tánh của chủ thể khắp, không có phân chia giới hạn, phần vị khác nhau của sự đối tượng khắp, mỗi mỗi lý trong sự đều hoàn toàn khắp, chẳng phải phần khắp. Vì sao? Vì chân lý kia không thể phân tích, cho nên, mỗi mỗi hạt bụi ly ty đều thu nhiếp vô biên chân lý, đều tròn đủ.”

Giải thích: “Môn thứ nhất này, mười môn dưới, lẽ ra tức là mười, để giải thích hai ý, ấy là vì phân biệt chung, nên chia thành năm cặp:

- 1/ Cặp lý sự khắp nhau.
- 2/ Cặp lý sự thành nhau.
- 3/ Cặp lý sự hại nhau.
- 4/ Cặp lý sự tương tức.
- 5/ Cặp lý sự trái nhau.

Cũng gọi cặp bất “tức”. Nhưng năm cặp này đều trước nói về lý, vì tôn trọng về lý. Lại đều hướng về nhau, một, ba, năm, bảy, chín, dùng lý đối chiếu với sự; hai, bốn, sáu, tám, mười, lấy sự so sánh lý, đối chiếu đầu là hai. Trước là chánh giải thích.

2/ Phân biệt: Hai môn trong phần trước, tức chia làm hai, nay là ban đầu. Trong văn có ba:

a) Nêu danh.

b) “Nghĩa là chủ thể khắp v.v... trở xuống”: Giải thích sự, lý, tướng, tánh, không, chân lý, vì một tướng, vô tướng, nên không thể phân chia, do đó không có phân chia giới hạn. Vì sự y cứ duyên khởi, nên phần vị muôn nghìn sai khác.

c/ Trong mỗi sự v.v... trở xuống là giải thích về tướng khắp kia; vì lý chẳng phải ngoài sự, nên chủ yếu là sự khắp. Kinh nói: “Pháp tánh cùng khắp tất cả mọi nơi, tất cả chúng sinh và vì cõi nước. Tiếp theo, “vì sao v.v... trở xuống, là giải thích về lý do toàn khắp, gọi là chủ yếu hoàn toàn khắp: Nếu không toàn khắp thì về lý vì có thể phân tích, nên chẳng phải như mây nổi đầy khắp hư không, vì tùy thuộc phương hướng có thể phân tích.

“Cho nên v.v... trở xuống, chỉ riêng một sự, biểu thị rõ tướng cùng khắp kia, vì hạt bụi bao gồm lý, làm sáng tỏ lý khắp hoàn toàn.”

Quán rằng: “Hai, sự cùng khắp lý môn, nghĩa là sự của chủ thể khắp là có phân chia giới hạn; lý của đối tượng khắp, chủ yếu chẳng có

phân chia giới hạn. Sự có phân chia giới hạn này, đối với lý không có phân chia giới hạn, là hoàn toàn đồng, chẳng phải phần đồng. Vì sao? Vì sự không thể, trở lại như lý.

Cho nên, một hạt bụi không hư hoại, mà cùng khắp pháp giới. Như một hạt bụi, tất cả pháp cũng giống như thế, suy nghĩ có thể biết.”

Giải thích: Văn cũng có ba:

1/ Nêu lên.

2/ “Gọi là chủ thể khắp v.v... trở xuống, là thị hiện tướng chủ thể, đối tượng tướng.

3/ “Đây có phần v.v... trở xuống: Nói về tướng khắp lý, ở trong đó, đầu tiên, là chánh thức nói, vì hoàn toàn đồng, nên gọi là khắp. Kế là “vì sao v.v... trở xuống, là giải thích đồng lý do, sự có phần, vì hoàn toàn đúng như lý. Nếu không khắp, thì sự đồng sẽ có “tự thể” riêng.

Tiếp theo, “cho nên v.v... trở xuống, kết thúc chỉ bày tướng khắp; sau là “như một hạt bụi v.v... trở xuống, là so sánh tất cả pháp.

Cặp này là gốc của bốn cặp dưới. Vì cùng khắp nhau, nên có thành nhau, v.v...”

Quán rắng: “Môn khắp hoàn toàn này, vượt ngoài tình khó thấy, ví dụ của thế gian chẳng thể so sánh.”

Giải thích: “Thứ ba, là phân biệt hai môn trên, trong đó có ba:

1/ Nêu ví dụ khó.

2/ Dụ gửi gắm, nêu bày riêng.

3/ Hỏi, đáp, giải thích.

Nay, là đầu tiên. Nói khó thấy: Vì đạo lý sâu kín.

Có bốn nói: “Lìa thấy, lìa thấy, tức nghĩa vượt ngoài tình. Nói khó thấy, nghĩa là dung chứa.

Vì lý có thấy, nên v.v... trở xuống, là dụ gửi gắm, để nói về khó, nói dụ thế gian là dụ khó.

Nói dụ khó: Sự, lý khác nhau mà cùng khắp lẫn nhau. Vì lý khắp sự, nên chẳng có tướng hoàn toàn ở trong tướng. Vì sự khắp lý, nên một hạt bụi, ấy là phần không có bờ bến. Một hạt bụi đã là phần không có bờ bến, thì đâu có đương tình của pháp, chẳng có tướng hoàn toàn ở trong tướng; chí lý không hề quyết định xa, tức tướng, vô tướng năm thứ mắt khó thấy. Với sự hoàn toàn lý dung chứa được kia, pháp giới đâu thể làm dụ, nên Kinh nói: “Ví như pháp giới khắp tất cả, không thể thấy, lấy làm tất cả”. Lại nói: “Tất cả pháp “có”, “không” trong ba cõi, chẳng thể làm thí dụ cho sự lý dung thông này, đủ chứng tỏ dụ biển dưới cũng là phần dụ mà thôi.”

Quán rằng: “Như hoàn toàn biển cả ở trong một ngọn sóng, mà biển chẳng phải nhỏ; như một ngọn sóng nhỏ vỗ giáp vòng biển cả mà sóng chẳng phải đi, đồng thời hoàn toàn khắp các sóng mà biển chẳng phải khác, đều cùng thời điểm đều dồn dập giáp vòng biển cả mà sóng chẳng phải “một”. Lại, khi biển cả hoàn toàn phủ khắp một ngọn sóng, không trở ngại nêu thể hoàn toàn khắp các lượn sóng. Khi một lượn sóng bủa vây toàn khắp biển cả, thì các lượn sóng cũng đều bủa vây hoàn toàn, không trở ngại nhau, suy nghĩ có thể biết”.

Giải thích: “Thứ hai, mượn ví dụ để nói rõ. Đã không có khả năng dụ mà nêu dụ ấy, là vì mượn phân dụ kia để suốt qua ý nhiệm mầu của sự lý dung thông kia, sao cho các nhận thức thông đạt nhân nhỏ thấy lớn mất, nói là lãnh hội chỉ thú.

Văn có ba lớp vô ngại: Đầu tiên, là dùng biển cả đối chiếu với một làn sóng, để nói lớn, nhỏ không có trở ngại. Đây là nêu hai nghĩa khắp nhau của sự lý ở trên dụ đã xong. Văn chỉ nêu dụ, lược không có hợp pháp. Nếu hợp với tướng chung, biển dụ cho lý; sóng dụ cho sự, phối hợp văn có thể hiểu, nhưng ý cũng khó thấy; biển cả đâu được hoàn toàn ở một lượn sóng, vì biển Không hai, nên một lý đâu được hoàn toàn tồn tại ở một sự, vì lý không hai, nên một lượn sóng vì sao lại bủa vây hoàn toàn biển cả? Vì đồng với biển, nên một hạt bụi vì sao hoàn toàn phủ khắp lý? Vì sự đồng với lý, nên “một, đồng thời hoàn toàn cùng khắp v.v... trở xuống, dùng một biển so sánh với các lượn sóng, nhằm nói “một” “khác” vô ngại.

Y cứ vào pháp, tức một lý đối với các sự, để giải thích vô ngại. Lại, trên tức không phải lớn, không phải nhỏ. Đây tức chẳng phải “một”, chẳng phải “khác”.

“Tướng “một”, “khác” v.v... cho đến v.v.... trở xuống là hỏi, đáp tự nói về lý do.

3/ Lại, biển cả hoàn toàn phủ khắp một lượn sóng v.v... trở xuống, dùng biển cả đối song song với một lượn sóng, các sóng hướng về nhau đồng khắp không có trở ngại.

Y cứ vào pháp, tức dùng một lý đối chiếu với một việc, nhiều việc, so sánh nhau đồng khắp vô ngại”.

Quán rằng: “Hỏi: Lý đã toàn thể khắp một hạt bụi, vì sao chẳng phải nhỏ? Đã không đồng với hạt bụi mà nhỏ, thì đâu được nói là toàn thể khắp một hạt bụi? Lại, một hạt bụi hoàn toàn vây quanh ở lý tánh, thì vì sao chẳng phải lớn? Nếu không đồng với lý mà rộng lớn thì đâu được hoàn toàn khắp ở lý tánh? Đã trở thành mâu thuẫn, thì nghĩa rất

trái nhau.”

Giải thích: “Thứ ba, là hỏi đáp, để giải thích: giải thích song song cả pháp, dụ mà trong văn kia chỉ y cứ vào pháp thuyết, so sánh khiến cho hiểu rõ dụ.

Văn trong dụ trên có ba tiết, nay, chỉ hợp thành hai lớp hỏi đáp:

1/ Hỏi: “Sách biên chép lớn nhỏ, mà đáp gồm “một”, “khác.”

2/ Đối với thứ ba ở trước, dùng biển cả song đối với một sóng, các sóng hướng về nhau, đồng, khắp không có trở ngại làm câu hỏi.

Trong phần trước, là hỏi trước, đáp sau. Nay, đầu tiên là hỏi. Trong văn có hai: Trước dùng lý đối chiếu sự để hỏi. Y cứ vào dụ, tức biển cả trước hoàn toàn ở một sóng, mà vì biển chẳng phải nhỏ, nên nói rằng: “Lý đã khắp v.v... toàn thể, tức dùng khắp vấn nạn nhỏ đã khác nhau. Hạt bụi mà nhỏ trở xuống, vì chẳng phải nhỏ vấn nạn khắp hai. Lại, một hạt bụi hoàn toàn khắp một vòng trở xuống.

Y cứ vào sự đối chiếu lý để vấn hỏi. Trước, dùng một hạt bụi để hỏi, kế là, nói rằng: “Nếu không đồng với lý mà rộng lớn v.v... trở xuống: vì không phải hỏi rộng, khắp, y cứ dụ, tức một lượn sóng ở trước, hoàn toàn khắp biển cả mà sóng chẳng phải lớn”. Đã thành tựu mâu thuẫn v.v... trở xuống, là kết luận câu hỏi.

Mâu là Bạch Lạp, thuận là Gạt ra. Xưa, có người bán cả hai việc, khen, thuận thì nói rằng: “Giáo đâm không lũng, khen giáo thì nói: “Có thể đâm thủng qua mười lớp khiên”. Người mua nói: “Tôi mua giáo của ông, trở lại đâm vào khiên của ông, há không tổn hại hay sao?”

- Ý thuyết minh hai lời nói mâu thuẫn lẫn nhau.

Quán rằng: “Đáp: Lý sự đối chiếu nhau, đều chẳng phải “một” “khác”, nên được gồm thâu hoàn toàn mà chẳng làm hư hoại địa vị gốc.”

Giải thích: “Từ đây trở xuống, trong đáp có hai: Trước, là tiêu biểu cả hai; sau giải thích cả hai. Nay, tức là ban đầu.

Câu hỏi trên, chỉ hỏi lớn, nhỏ. Nay, chính thức đáp “mười”, “khác” gồm cả lớn, nhỏ.

Do đối với hai pháp lý, sự đối nhau, nên nói rằng: “Đều chẳng phải “một”, “khác”.

Quán rằng: “Trước, lý đối chiếu sự, có bốn câu:

1/ Vì chân lý với sự chẳng phải “khác”, nên toàn thể chân ký ở trong một sự.

2/ Vì chân lý và sự chẳng phải “một”, nên lý, tánh thường không có bờ mé.

3/ Vì “chẳng phải một”, tức là “chẳng phải khác”, nên vô biên lý tánh hoàn toàn tồn tại trong một hạt bụi.

4/ Vì “chẳng phải khác”, tức là chẳng phải “một”, nên lý tánh của một hạt bụi chẳng có phân chia giới hạn.”

Giải thích: “Đây là giải thích lý đối chiếu sự. Hai câu trước trong bốn câu là chánh thức nói về tướng chẳng phải nhỏ của hạt bụi khắp, câu đầu khắp hạt bụi.

Câu thứ hai, chẳng phải nhỏ; hai luận chứng ba và bốn kia, giải đáp khắp câu hỏi. Ý hỏi rằng: “Hạt bụi khắp, chẳng phải nhỏ: Hai nghĩa mâu thuẫn nhau, đâu được suốt qua lẫn nhau.

Nay, câu hỏi thứ ba, nói về lý của lớn, khắp tồn tại trong một hạt bụi. Luận chứng thứ tư, nói dù khắp, nhưng chẳng phải nhỏ, vì chẳng có phân chia giới hạn của hạt bụi kia, tức là chẳng phải nhỏ, tức đáp cả hai câu hỏi hạt bụi khắp, chẳng phải nhỏ và câu hỏi chẳng phải nhỏ, câu hỏi khắp một hạt bụi dù hai đoạn, nhưng chỉ có một khắp nhau mà thôi.